

---

# Mục lục

---

<b>Lời nói đầu</b> . . . . .	7
DUSTIN CRUMMETT	
<b>Chăn nuôi công nghiệp</b> . . . . .	15
<b>Phát biểu mở đầu</b> . . . . .	19
Chương 1. Phát biểu mở đầu. . . . .	21
ANJA JAUERNIG	
Chương 2. Phát biểu mở đầu. . . . .	95
BOB FISCHER	
<b>Vòng phản biện thứ nhất</b> . . . . .	159
Chương 3. Phản biện cho phát biểu mở đầu của Bob Fischer. . .	161
ANJA JAUERNIG	
Chương 4. Phản biện cho phát biểu mở đầu của Anja Jauernig. . .	196
BOB FISCHER	

<b>Vòng phản biện thứ hai</b> . . . . .	233
Chương 5. Phản biện thứ hai đối với Bob Fischer. . . . .	235
ANJA JAUERNIG	
Chương 6. Phản biện thứ hai đối với Anja Jauernig. . . . .	264
BOB FISCHER	
<b>Tài liệu đọc thêm</b> . . . . .	280
<b>Bảng thuật ngữ</b> . . . . .	286
<b>Danh mục tài liệu tham khảo</b> . . . . .	293
<b>Chỉ mục</b> . . . . .	297

---

## Lời nói đầu

Dustin Crummett

---

Các tác giả của cuốn sách này *nhất trí* rằng con người đối xử với động vật theo những cách không thể bào chữa được về mặt đạo đức. Hầu hết đạo đức gia nghiên cứu đề tài này cũng đồng ý như vậy, bao gồm cả tôi. Đó là điều đáng chú ý: các triết gia vốn có tiếng là hay bất đồng về nhiều điều. Hơn nữa, cách chúng ta đối xử với động vật không chỉ chẳng bào chữa nổi trong những vụ việc đơn lẻ, như khi ai đó bị bắt vì hành hạ động vật, mà còn chẳng thể bào chữa trên tổng thể. Cuốn sách này chủ yếu bàn về các trại chăn nuôi công nghiệp. Chăn nuôi công nghiệp là dạng ngược đãi động vật mà bạn đọc rất có thể liên quan rất mật thiết. Có thể bạn tiêu dùng sản phẩm từ động vật được nuôi trong trại chăn nuôi công nghiệp nhiều lần mỗi ngày. Và chăn nuôi công nghiệp cũng có thể là cách ngược đãi động vật tồi tệ nhất của bất cứ ai. Nhiều điều người ta làm với động vật tại các trại chăn nuôi như quy trình tiêu chuẩn, mà nếu những hành động đó được làm với người thì sẽ bị coi là hành hạ, theo nghĩa đen. Và *hàng chục* tỷ động vật bị chăn nuôi theo hình thức công nghiệp mỗi năm, con số gấp nhiều lần dân số nhân loại trên thế giới. (Không may, đến nay gà vừa bị đối xử tàn tệ nhất vừa bị nuôi với số lượng lớn nhất trong hệ thống này. Nếu bạn muốn làm gì đó thay đổi tình trạng này, nhưng chưa sẵn sàng trở thành người ăn thuần chay, thì từ bỏ thịt gà và trứng có thể là xuất phát điểm tốt nhất, sau đó là cá và tôm). Tất cả chuyện này phải chấm dứt, Anja Jauernig, Bob Fischer, tôi và hầu hết đạo đức gia đều đồng ý như vậy.

Nhưng ý định của cuốn sách này là truyền tải một cuộc *tranh biện*. Các tác giả tranh luận gì nếu họ đều đồng ý rằng xã hội loài người đối xử với động vật theo cách không thể bào chữa? Điều họ tranh luận là chính xác thì chúng ta xử tệ với động vật *đến mức nào*, và *bạn cần làm gì để thay đổi điều đó*. Ở đây, họ sẽ giữ hai lập trường khác hẳn nhau, và khác hầu hết các đạo đức gia về động vật.

Sự khác biệt giữa họ một phần là kết quả của các phương pháp triết học khác nhau. Anja Jauernig có tương đối ít niềm tin vào quan điểm thông thường của chúng ta về đạo đức với động vật. Có lẽ những quan điểm đó phiến diện hoặc thiếu cận. Chúng ta thường có xu hướng nghĩ rằng mình là giống loài cần được đối xử đạo đức nhất trên thế giới, điều này tiện lợi cho chúng ta đến đáng ngờ. (Chúng ta *thường* nghĩ thế, đúng không?) Vậy nên nếu lập luận triết học của Anja Jauernig có kết luận mâu thuẫn hoàn toàn với điều ta thường nghĩ, thì cô cũng thấy thường thôi. Mặt khác, Bob Fischer bắt đầu với những tuyên bố cụ thể, hợp lẽ thường về việc chúng ta nên làm. Ông sẵn sàng giữ vững những luận điểm này dù chúng có vẻ trở nên rối rắm khi soi xét dưới góc nhìn triết học. Đối với Fischer, các nguyên tắc triết học trừu tượng xung đột quá mạnh mẽ với những phán đoán cụ thể này nhiều khả năng là sai.

Những cách tiếp cận này đưa Jauernig đến lập trường cực đoan hơn hầu hết các đạo đức gia về động vật, đồng thời đưa Fischer đến lập trường *ít* cực đoan hơn hầu hết các đạo đức gia về động vật. Tôi sẽ miêu tả cách hiểu của mình về lập trường chiếm thế thượng phong trong đạo đức về động vật, rồi sau đó sẽ mô tả quan điểm của Jauernig và Fischer khác biệt với lập trường đó ra sao. Bản thân tôi tán đồng với quan điểm gần với lập trường chủ lưu này (dù không có nghĩa là tôi tán đồng về mọi điểm).

Chúng ta có thể bắt đầu thảo luận về lập trường chủ lưu bằng việc xem xét vấn đề *địa vị đạo đức*. Hiểu đại khái là, có địa vị đạo đức nghĩa là bạn có ý nghĩa quan trọng về mặt đạo đức, nghĩa là chúng tôi có lí do đạo đức để làm những việc *vì lợi ích của bạn*. (Tôi không nên đánh bạn. Điều này ít nhất một phần là do sự tổn thương việc đó gây ra cho bạn. Tôi không nên đánh bạn *vì lợi ích của bạn*. Có thể là tôi không nên đập hòn đá nếu hòn đá đó quan trọng với bạn, vì lí do nào đó. Nhưng tôi

không nên đập hòn đá không phải là vì lợi ích *của nó*. Tôi không nên đập nó vì lợi ích *của bạn*. Bạn có địa vị đạo đức; hòn đá thì không). Điều có vẻ hiển nhiên với hầu hết chúng ta là, ngoài con người ra, ít nhất một số loài động vật có địa vị đạo đức: chẳng hạn, bạn có lỗi với chú chó nếu bạn hành hạ nó.

Hầu hết đạo đức gia về động vật đều đồng thuận rằng *tri giác* mang lại địa vị đạo đức. Tri giác được định nghĩa là khả năng cảm nhận vui thú và đau đớn, hoặc đôi khi hiểu rộng hơn là khả năng trải nghiệm có ý thức dưới bất kì hình thức nào. Chúng ta có tri giác; chó có tri giác; người ta còn tranh cãi về tri giác côn trùng; thực vật hầu như chắc chắn không có. Vậy từ góc độ này, chúng ta, chó, và có thể cả côn trùng đều có địa vị đạo đức, nhưng thực vật thì không. Tôi nghĩ tri giác là tiêu chí chính xác. Tôi cho rằng khả năng có trải nghiệm một cách ý thức, sở hữu nhận thức chủ quan về thế giới biến bạn thành *ai đó*, thay vì *thứ gì đó*. Tôi cho rằng đó là cơ sở khiến người ta có thể có lỗi với bạn, hoặc chú chó hoặc (có thể) với côn trùng, nhưng với hòn đá thì không.

Tiếp theo, chúng ta có thể thảo luận về *vị thế* đạo đức. Trong các sinh vật có địa vị đạo đức, vị thế đạo đức liên quan đến *mức độ* quan trọng của cá thể về mặt đạo đức. Hầu hết mọi người nghĩ rằng, cả người và chó đều có địa vị đạo đức, nhưng người có vị thế đạo đức *cao hơn* chó. Sao đó mà con người lại quan trọng hơn về mặt đạo đức. Nhưng các đạo đức gia đã biết từ lâu, rất khó tìm ra cách giải thích đáng tin nào chứng minh tuyên bố trên là sự thực. Vấn đề thường được đưa ra nhất là: rất khó tìm ra một thuộc tính để đóng vai trò giải thích mà (i) toàn bộ loài người và chỉ riêng loài người có, và (ii) có vẻ thuộc tính này ảnh hưởng đến vị thế đạo đức. Ví dụ, có người nghĩ rằng con người quan trọng hơn về mặt đạo đức vì chúng ta *có lí trí*. Nhưng có phải toàn bộ con người *đều* có lí trí hay không thì không rõ: trẻ sơ sinh chẳng hạn. Vì thế nhiều đạo đức gia về động vật chấp nhận *Chủ nghĩa quân bình vị thế*, quan điểm rằng mọi cá thể có địa vị đạo đức đều có vị thế đạo đức như nhau.

Điều này *không* có nghĩa là họ nghĩ rằng nếu, giả sử, một người và một con chó đang bị đuối nước mà chỉ còn một chỗ trên thuyền cứu sinh thì bạn nên tung đồng xu. Thay vào đó, nói chung họ nghĩ rằng,

có những sự khác biệt khác để giải thích vì sao bạn nên cứu người. Chẳng hạn, có thể là con người thường mất mát nhiều hơn chó khi chết. Chúng ta sống lâu hơn chó, có trải nghiệm phong phú hơn, có nhiều kế hoạch cho tương lai sẽ bị cản trở nếu chết, v.v. Nếu, khi mọi phương diện đều bằng nhau, nếu lợi ích của người và chó quan trọng như nhau, thì chúng ta vẫn có động cơ  *mạnh mẽ hơn*  để được cứu người hơn cứu chó. Bởi điều đó giải thích cho việc cứu chính chúng ta.

Tuy nhiên: nếu động vật có vị thế đạo đức cao hơn mức *cực kì nhỏ bé* dù chỉ chút ít thôi, mà có vẻ đúng là như vậy, thì cách chúng ta đối xử với động vật là cực kì tệ. Có lẽ (như Jauernig nghĩ) đây là một trong những điều tệ hại nhất con người từng làm, sánh ngang những tội ác lớn trong lịch sử. Hầu hết đạo đức gia cho rằng bạn có nghĩa vụ không dựa vào cách đối xử này. Chẳng hạn, họ cho rằng, ít nhất nếu bạn không sử dụng sản phẩm chăn nuôi công nghiệp mà vẫn đáp ứng được nhu cầu của mình, như hầu hết chúng ta có thể, thì bạn nên làm vậy, và có lẽ nên ăn chay hoặc chủ yếu là chay nhiều hơn.

Lập trường của Jauernig quyết liệt hơn thế. Trước tiên, nó đi xa hơn tiêu chí tri giác. Cô nghĩ rằng *tất cả* sinh vật đều có ích. Ví dụ, hoa biết bùng tươi hưởng thụ khi tưới nước, ở phương diện liên quan đến đạo đức, hoặc có thể héo hon tồn tại khi khô hạn. Và Jauernig cho rằng thế là đủ để hoa có địa vị đạo đức. Theo đó, cô ấy cho rằng không *chỉ* động vật có địa vị đạo đức, mà cả thực vật và vi khuẩn. Và cô ấy công nhận Chủ nghĩa quân bình vị thế, tức là chúng ta, chó, thực vật, và vi khuẩn đều có vị thế đạo đức *như nhau*.

Hơn nữa, Jauernig bác bỏ lí lẽ thông thường để cứu người thay vì cứu chó. Bên cạnh những thứ khác, Jauernig hoài nghi việc chúng ta so sánh lợi ích giữa các loài, và vì thế hoài nghi tuyên bố cho rằng con người thực sự *có cuộc sống tử tế* hơn chó. Cô ấy nghĩ, có lẽ chúng ta nên cứu người vì mối quan hệ đặc biệt nào đó với đồng loại, (cũng như, chẳng hạn, có lẽ nên cứu con mình trước khi cứu con người khác, dù khách quan mà nói thì chúng quan trọng như nhau). Nhưng cô ấy cũng cho rằng có lẽ chúng ta không có lí do mang tính quyết định để cứu người, thay vì cứu chó. Cô ấy nghĩ, có lẽ đó chỉ là định kiến từ phía chúng ta.

Cuối cùng, Jauernig tin rằng bình đẳng đạo đức giữa muôn loài sinh vật đòi hỏi chúng ta phải đối xử với mọi loài bằng “lòng trắc ẩn lí trí”, nỗ lực tìm cách giúp đỡ chứ không gây tổn hại. Có thể dễ dàng thấy được yêu cầu này sẽ loại trừ chăn nuôi công nghiệp. Tuy nhiên, chúng ta có thể lo ngại rằng nó loại trừ *quá* nhiều thứ, và Jauernig tự hỏi phải chăng lập trường của mình “quá quắt”. Nếu thực vật bình đẳng về vị thế đạo đức với chúng ta, thì ngay cả người thuần chay cũng không thoát tội. Cô ấy đề xuất chúng ta cố nuôi sống bản thân mà gây ít tổn hại nhất cho thực vật, chẳng hạn như bằng cách ăn quả. Nhưng cô ấy cũng lo rằng có lẽ rốt cuộc chúng ta thực sự có nghĩa vụ đạo đức phải nhịn đói mà chết. Có thể chúng ta không quá *đáng trách* khi chỉ ăn để mong sống sót, điều này hoàn toàn *hiểu được*. Nhưng cô ấy vẫn nghĩ có thể là sai.

Theo quan điểm bản thân - và tôi nghĩ hầu hết đạo đức gia về động vật sẽ đồng thuận - thì việc có thể chúng ta có nghĩa vụ đạo đức phải nhịn đói mà chết để tránh làm tổn hại thực vật là ý tưởng *quá* phi lí, đến mức thể hiện là lập luận dẫn đến ý tưởng này phải sai ở đâu đó. Từ góc nhìn này, thì quan điểm tôi từng gọi là quan điểm chủ lưu có vẻ hợp lí hơn. Tiêu chí tri giác ngụ ý rằng chúng ta khỏi cần phải lo lắng về thực vật, vì chúng không có trải nghiệm hay cảm giác. Một số động vật bị tổn hại ngay cả trong quá trình sản xuất thực phẩm chay (ví dụ, bị mắc vào máy gặt). Nhưng dù nên *giảm thiểu* sự tổn hại này, thì tổn hại một số động vật là chấp nhận được nếu cần thiết để sống sót, vì chúng ta tiếp tục sống có lợi ích hơn nhiều. Tất nhiên, vốn đánh giá thấp trực giác thông thường, Jauernig sẽ không dễ bị lay chuyển vì những hoài nghi mang tính trực giác về kết luận của cô ấy. Thế nên, chúng ta phải quay lại với phương pháp triết học.

Trong khi đó, Bob Fischer bảo vệ một lập trường rất khác. Anh ấy chấp nhận rằng, mọi loài có tri giác đều có địa vị đạo đức, thậm chí chấp nhận rằng động vật có vị thế đạo đức cao. Theo đó, anh ấy thừa nhận rằng chăn nuôi công nghiệp là rất tệ, và nói với chúng tôi rằng nếu có thể anh ấy sẽ chấm dứt việc này ngay và luôn. Tuy nhiên, anh ấy không nghĩ bạn có nghĩa vụ phải ăn chay, hay thậm chí phải tránh mua sản phẩm chăn nuôi công nghiệp. Nếu bạn làm thế thì *tốt*, nhưng bạn không *buộc phải* làm thế nếu không muốn.

Lí do thế này. Fischer cho rằng người tuyên bố việc gì bị cấm về mặt đạo đức có trách nhiệm chứng minh. Nếu có người nói với bạn rằng bạn không được phép làm gì đó, thì họ có trách nhiệm đưa ra luận cứ thuyết phục giải thích vì sao. Nhưng hai luận cứ chính đưa đến kết luận mua sản phẩm chăn nuôi công nghiệp là sai trái không thuyết phục được Fischer. Một trong hai luận cứ này tuyên bố: bạn gây tổn hại nghiêm trọng cho động vật khi mua sản phẩm này - tổn hại lớn hơn nhiều lợi ích bạn nhận được do mua sản phẩm đó. Nhưng Fischer nghi ngờ việc này, vì không tin việc bạn mua thực sự ảnh hưởng đến số lượng động vật bị chăn nuôi công nghiệp. Định mức sản xuất của các trại chăn nuôi công nghiệp được lập ra với mục tiêu nhằm vào xu hướng trên diện rộng, và Fischer nghĩ, khả năng mà quyết định của bất kì cá thể nào có thể tạo nên khác biệt là cực kì thấp. (Điều này gọi là “vấn đề bất lực nhân quả”).

Luận cứ còn lại tuyên bố rằng, làm đồng phạm trong “hành vi đặc biệt tàn ác” là sai trái. Chẳng hạn, gia nhập Mafia có lẽ là sai, dù chẳng có bạn chúng vẫn gây tội ác như thường. Nhưng Fischer cũng không nghĩ luận cứ này thuyết phục. Chúng ta làm đồng phạm trong *nhiều* hành động bất công khi mua sản phẩm từ bất công trong lao động đến gây hại cho môi trường, v.v. Tất nhiên, tránh làm điều đó là tốt, khi dễ dàng làm được, nhưng yêu cầu chúng ta tránh mọi sự đồng phạm vào các tổn hại bất công là đòi hỏi quá nhiều. Muốn vậy thì chúng ta sẽ phải tách biệt hoàn toàn khỏi xã hội. Và dù có thể có một số kiểu đồng phạm rất trực tiếp - như làm việc cho Mafia - mà chúng ta nên tránh, Fischer cho rằng kiểu đồng phạm trong việc mua sản phẩm của trại chăn nuôi công nghiệp không hoàn toàn giống vậy, vì nhiều nguyên nhân mà anh ấy sẽ đưa ra sau đây.

Thế nhưng, nếu chăn nuôi công nghiệp là một trong những việc tệ hại nhất con người từng làm, thì bạn có thể nghĩ phải có luận cứ mạnh mẽ nào đó chống lại, không ủng hộ việc làm này. Và Fischer đồng ý rằng nếu Chủ nghĩa quân bình vị thế là đúng, thì chăn nuôi công nghiệp là một trong những việc tệ hại nhất con người từng làm. Tuy nhiên, Fischer cho rằng Chủ nghĩa quân bình vị thế là sai. Anh ấy không đưa ra bất kì *lời giải thích* nào về lí do khiến cho lợi ích con người quan trọng hơn của động vật. Trên thực tế, Fischer *đồng ý* với Jauernig rằng chúng

ta không có lời giải thích hợp lý nào hết. Tuy nhiên, anh ấy nghĩ rằng Chủ nghĩa quân bình vị thế kéo theo những hệ quả cực đoan (ví dụ, có thể chúng ta cần cấp quyền công dân cho động vật) đến mức nó phải sai ở đâu đó. Ở đây, chúng ta có thể thấy bất đồng về phương pháp lại xuất hiện. Trong khi Jauernig sẵn sàng lật đổ những quan niệm thông thường về việc chúng ta nên làm, khi những quan niệm đó mâu thuẫn với điều mà cô ấy cho là những lý thuyết triết học tốt nhất, thì Fischer bám trụ lấy những quan niệm này dù không có lý thuyết nào để giải thích vì sao chúng có thể là đúng.

Còn có một điểm quan trọng nữa về phương pháp. Fischer cho rằng trách nhiệm chứng minh nằm ở người nghĩ bạn có nghĩa vụ phải tránh mua sản phẩm chăn nuôi công nghiệp. Nhưng tôi lại thiên về ý kiến, nếu bạn muốn làm một việc gì đó *có thể* cực kỳ sai, và nếu không có lý do đạo đức mạnh mẽ nào để làm việc đó, thì *bạn* có trách nhiệm chứng minh cho thích đáng rằng việc đó không sai. (Đây là phiên bản của nguyên tắc đòi khi được gọi là “nguyên tắc phòng ngừa”, mà Jauernig cũng ủng hộ). Ví dụ, nếu bạn chuẩn bị phá dỡ tòa nhà mà chưa kiểm tra xem có ai ở trong hay không, và bạn muốn cứ thế cho nổ để còn về nhà ăn tối, thì tôi thấy coi về bạn có trách nhiệm chứng minh thích đáng rằng khả năng có người đang trong nhà rất thấp.

Ủng hộ chăn nuôi công nghiệp có thể là cực kỳ sai trái, và với những ai sống sót được mà không cần có nó, thì không có lý do đạo đức mạnh tương đương để ủng hộ nó cả. Vì thế, có lẽ Fischer có trách nhiệm chứng minh các luận cứ ủng hộ nghĩa vụ tránh sản phẩm chăn nuôi công nghiệp *chắc chắn* là sai. Và tôi không hoàn toàn dám chắc rằng chúng sai. Vấn đề bất lực nhân quả là đề tài mà các triết gia và các nhà kinh tế học tranh cãi gay gắt; có lý do để nghĩ rằng bạn thực sự tạo ra khác biệt mang tính nhân quả với tình trạng chăn nuôi công nghiệp. Và ngay cả người tán đồng với các luận điểm của Fischer chống lại Chủ nghĩa quân bình vị thế có thể cũng lo ngại về việc chúng ta không thể tìm thấy, sau thời gian dài tìm kiếm, lời giải thích hợp lý về nguyên nhân khiến con người có vị thế đạo đức cao hơn. Vì vậy, theo tôi thấy, dường như chúng ta nên thiên về phía tránh sản phẩm chăn nuôi công nghiệp, và điều này khiến tôi hoài nghi kết luận của Fischer.

Dù sao, cả hai vấn đề về phương pháp nói trên sẽ được các tác giả tranh biện với nhau. Xin nhắc rằng, cho đến nay, tôi mới chỉ trình bày lời nói đầu, và đã giản lược nhiều điều. Còn nhiều điều khác, nhưng đó là nội dung trong phần còn lại của sách này. Có thể nói rằng, cả hai tác giả đều bảo vệ những ý kiến táo bạo, những ý kiến chỉ trích các hành động thông thường, đồng thời khác biệt với nhau và với hầu hết các đạo đức gia, và sự bất đồng giữa hai tác giả bắt nguồn một phần từ khác biệt về phương pháp nghiên cứu triết học, những điều tưởng chừng khô khan và trừu tượng. Tôi hi vọng độc giả sẽ thu được những công cụ quan trọng để nghĩ về cả đạo đức với động vật và về các vấn đề triết học rộng lớn hơn.